ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1254 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 516/TTr-SNNMT ngày 18/5/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La với tổng số 77 danh mục, cụ thể:

- Dịch vụ lĩnh vực Thủy lợi và Tài nguyên nước: 20 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: 02 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Lâm nghiệp: 05 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Môi trường: 09 danh mục.
- Dịch vụ lĩnh vực Quản lý tài nguyên đất: 09 danh mục.

- Dịch vụ lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: 04 danh mục.

- Dịch vụ lĩnh vực Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám: 12 danh mục.

- Dịch vụ lĩnh vực Thủy văn và Biến đổi khí hậu: 05 danh mục.

- Dịch vụ lĩnh vực Địa chất khoáng sản: 04 danh mục.

- Dịch vụ lĩnh vực khác: 07 danh mục.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành; các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và môi trường sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La./.

Nơi nhận:
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP UBND tỉnh *(LĐ+CVCK);*
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 05b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1254 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	STT	Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công
	I	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC THỦY LỢI VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC**
1	1	Tuyên truyền, tập huấn về thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
2	2	Điều tra, thu thập, tổng hợp số liệu đánh giá sử dụng nước sinh hoạt nông thôn để thực hiện công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm
3	3	Quản lý, khai thác công trình thủy lợi
4	4	Quản lý, sử dụng, cung cấp nước sạch sinh hoạt tập trung nông thôn
5	5	Lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh
6	6	Quản lý, vận hành và duy trì Hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước
7	7	Tổ chức thực hiện việc khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất
8	8	Kiểm kê tài nguyên nước
9	9	Tổ chức lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước
10	10	Xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh
11	11	Xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh
12	12	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất
13	13	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt nội tỉnh
14	14	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất nội tỉnh
15	15	Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh
16	16	Điều tra, xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp
17	17	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước
18	18	Thực hiện các biện pháp điều hoà, phân phối tài nguyên nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước
19	19	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp; xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối

20	20	Tổ chức xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh
	II	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN**
21	1	Thông tin, tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ về chăn nuôi, thú y và thủy sản
22	2	Tiêm phòng vắc xin cho động vật và Tiêu độc, khử trùng phòng dịch bệnh động vật
	III	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**
	1	Bảo vệ và phát triển rừng tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
23	1.1	Khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng
24	1.2	Trồng rừng
25	1.3	Trồng cây phân tán
26	1.4	Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên
	2	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
27	2.1	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
	IV	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**
28	1	Quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tỉnh có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của cơ quan Tài nguyên và Môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học.
29	2	Quan trắc chất lượng môi trường tỉnh *(Quan trắc chất lượng môi trường xung quanh, Quan trắc môi trường trong chăn nuôi, Quan trắc môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản)*
30	3	Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường *(không khí xung quanh, nước mặt lục địa, nước thải, trầm tích đáy, đất, nước dưới đất…)* phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, kiến nghị phản ánh, liên quan đến xử lý các sự cố môi trường. phục vụ lập giấy phép môi trường
31	4	Lập báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường tỉnh.
32	5	Lập báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường theo yêu cầu (nếu có).
33	6	Quản lý, vận hành hệ thống giám sát dữ liệu quan trắc tự động, liên tục.
34	7	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường.
35	8	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Sơn La giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035
36	9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
	V	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN ĐẤT**
37	1	Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất
38	2	Điều tra, đánh giá đất đai và bảo vệ cải tạo phục hồi đất
39	3	Xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất; xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất; định giá đất cụ thể
40	4	Lập hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

41	5	Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai
42	6	Lập phương án sử dụng đất đối với diện tích đất các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao về địa phương
43	7	Quản lý, vận hành, khai thác và kết nối liên thông cơ sở dữ liệu về đất đai
44	8	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực đất đai
45	9	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm của các hoạt động trong lĩnh vực đất đai
	VI	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**
46	1	Lập, điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa kiểm soát loài ngoại lai xâm nhập
47	2	Điều tra, thống kê, kiểm kê đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học; Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
48	3	Quan trắc, thống kê, quản lý thông tin, dữ liệu về đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học
49	4	Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học
	VII	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM**
50	1	Đo đạc lập, chỉnh lý, quản lý bản đồ địa chính ở địa phương
51	2	Thu thập, cập nhật, sử dụng thông tin, dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương
52	3	Xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thuộc phạm vi của tỉnh
53	4	Thành lập, cập nhật bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 đối với phần đất liền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
54	5	Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám
55	6	Đo đạc, thành lập bản đồ phục vụ lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp
56	7	Đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm
57	8	Xây dựng, vận hành, cập nhật và quản lý hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
58	9	Xây dựng bản đồ về phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu
59	10	Thành lập tập bản đồ của địa phương, khu vực và ngành; đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành khác phục vụ quản lý nhà nước
60	11	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực Đo đạc bản đồ và viễn thám
61	12	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực đo đạc bản đồ và viễn thám
	VIII	**DỊCH VỤ LĨNH VỰC THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**
62	1	Lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng địa phương; điều tra, khảo sát, quan trắc và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn
63	2	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn

64	3	Xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn tỉnh quản lý
65	4	Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; Xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh
66	5	Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
	IX	**DỊCH VỤ KHÁC**
67	1	Xây dựng dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản
68	2	Thông tin, tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn (hoạt động khuyến nông)
69	3	Thu thập, bảo tồn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản
70	4	Hoạt động khảo nghiệm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản
71	5	Kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản
72	6	Thu nộp, cập nhật, chỉnh lý, bảo quản, lưu trữ, công bố, cung cấp và sử dụng thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường
73	7	Thông tin, tuyên truyền về nông nghiệp và môi trường
	X	**DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN**
74	1	Xây dựng phương án quản lý về địa chất, khoáng sản trong quy hoạch tỉnh; phương án bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác
75	2	Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
76	3	Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số lĩnh vực địa chất và khoáng sản
77	4	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản